

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 519/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2020.

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa:
Không có.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 515/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về “ Tranh chấp Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Trọng N, sinh năm: 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Số 590 đường V, Tổ 1, Khu phố 6, thị trấn C, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Hồ Thị H, sinh năm: 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Số 590 đường V, Tổ 1, Khu phố 6, thị trấn C, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 11/5/2020, lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Trọng N trình bày:

Ông N và bà Hồ Thị H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 9 năm 2007.

Những năm đầu chung sống vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên gây gỗ, cãi vã, tuy sống chung một mái nhà nhưng hai vợ chồng không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng và đến mức không thể cứu vãn được nữa. Hiện hai vợ chồng đã ly thân hơn 04 năm, không ai quan tâm nhau và hoàn toàn không có được hạnh phúc nếu như tiếp tục chung sống với nhau, từ đó mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Ông N yêu cầu được ly hôn với bà Hồ Thị H.

Về con chung có 01 trẻ tên: Lê Trọng N1, sinh ngày: 28/01/2008. Ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N1 và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có tài sản chung.

Nợ chung: Không có nợ chung.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Ông N tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

* Tại bản tự khai ngày 11/6/2020, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Hồ Thị H trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của Ông N về điều kiện, thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, tài sản chung và nợ chung. Vợ chồng bà H đã ly thân được 04 năm nay. Nay Ông N yêu cầu ly hôn thì bà H không đồng ý vì muốn con đủ 18 tuổi, hơn nữa bà H cũng không có lỗi gì.

Về con chung có 01 con chung tên Lê Trọng N1, sinh ngày: 28/01/2008. Hiện tại bé N1 đang ở cùng Ông N. Nếu phải ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ N1 và yêu cầu Ông N cấp dưỡng 4.000.000đ/tháng.

Tài sản chung: Không có tài sản chung.

Nợ chung: Không có nợ chung.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Ông N tự nguyện chịu toàn bộ án phí. Bà H đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Lê Trọng N và bà Hồ Thị H là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”. Bị đơn trong vụ án là bà Hồ Thị H hiện cư trú tại huyện C, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành vận động, thuyết phục, hòa giải giữa các bên nhưng không thành, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lê Trọng N và bà Hồ Thị H chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 90, quyển số: 01/2007 ngày 13/9/2007 được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ông N và bà H cùng trình bày quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã do tính tình không hợp, không cùng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đến mức không thể cứu vãn được, vợ chồng đã sống ly thân từ 04 năm nay. Ông N yêu cầu được ly hôn nhưng bà H không đồng ý vì muốn chờ con đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa Ông N và bà H đã sống ly thân từ 04 năm nay, đã không còn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích của hôn nhân đã không đạt được nên Ông N yêu cầu được với bà H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung có 01 trẻ tên: Lê Trọng N1, sinh ngày: 28/01/2008 hiện đang sinh sống cùng với ông Lê Trọng N.

Trẻ N1 có nguyện vọng tiếp tục được ở chung với cha nên để trẻ N1 phát triển ổn định và toàn diện, Hội đồng xét xử giao trẻ N1 cho Ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc Ông N không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ Ông N phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Pháp Lệnh án phí, lệ phí Tòa Án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội có hiệu lực ngày 01/7/2009.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Trọng N là được ly hôn với bà Hồ Thị H.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 90/2007, quyển số: 01/2007 ngày 13/9/2007 của thị trấn C, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lê Trọng N và bà Hồ Thị H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung có 01 trẻ tên: Lê Trọng N1, sinh ngày 28/01/2008. Giao cho ông Lê Trọng N trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N1. Ghi nhận việc Ông N không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không có

4. Nợ chung: Không có

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Lê Trọng N phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0083928 ngày 01/6/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Ông N đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án..

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS H.Củ Chi;
- UBND Thị trấn C, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Ngọc